TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A, TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2022
V/v tranh chấp " Ly hôn, nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Hoa**
2. Ông **Nguyễn Tấn Để**

* Thư ký phiên tòa: Ông **Cao Vũ Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K: Ông **Trần Văn Ý** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 66/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Chị **Trần Thị T (Q)**, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Ấp Thạnh P, xã Đông T, huyện A, tỉnh K.
* **Bị đơn**: Anh **Nguyễn Văn K (K)**, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Ấp Thạnh P, xã Đông T, huyện A, tỉnh K.

(Chị T có mặt; Anh K có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:***

Vào năm 2005 chị chung sống với anh Nguyễn Văn K (không có đăng ký kết hôn). Trong quá trình chung sống trước đây rất hạnh phúc, vợ chồng cùng lo làm ăn để lo cho gia đình. Khoảng 03 năm nay anh K sinh tật ghen tuông vô cớ, do công việc làm ăn nên hàng ngày chị phải bươn chải đủ thứ nghề nhưng anh K không hề quan tâm chia sẻ mà mỗi khi có rượu anh đều chửi mắng, xúc phạm chị bằng những lời lẽ thô tục, nói chị lấy người này người nọ...Chị trả lời thì bị anh đe dọa, có lần anh dùng dao kề vào cổ đe doa chị. Tuy vậy chị vẫn cố gắng nhẫn nhịn và chịu đựng nhưng thời gian kéo dài mâu thuẫn vợ chồng ngày càng phát sinh nhiều thêm không tháo gỡ được, càng ngày anh càng ăn nhậu nhiều hơn và có nhiều hành vi thiếu kiểm soát nên chị lo sợ ảnh hưởng đến tín mạng sau này. Xét thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh K. Chị xác định chị và anh K ly thân khoảng 01 năm nay.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 15/7/2006 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 31/12/2011. Hiện các con đang sống chung với gia đình. Khi ly hôn yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định anh, chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo tờ tự khai và các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn K* (K) *trình bày*:**

Do quen biết anh và chị T tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị T đi làm, anh ở nhà làm ruộng nuôi con, chị T đòi ly hôn anh buồn có uống rượu mới xảy ra cự cãi. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 15/7/2006 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 31/12/2011. Hiện các con đang sống chung với gia đình. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có.

Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý. Anh đồng ý giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị T: Xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh K; Về con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị xác định anh, chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh K: Có đơn xin vắng mặt. Trong đơn xin vắng mặt nêu rõ anh giữ nguyên các ý kiến và yêu cầu đã trình bày theo tờ tự khai và biên bản hòa giải ngày 09/5/2022.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn K xác định xác lập quan hệ vợ chồng năm 2005, nhưng không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn K là vợ chồng. Chị T và anh K xác định có 02 chung là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 15/7/2006 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 31/12/2011, khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy 02 con chung đều có nguyện vọng được ở với Trúc và sự thỏa thuận của anh, chị không trái quy định của pháp luật nên ghi nhận sự thỏa thuận của anh, chị. Về tài sản chung: Chị T và anh K xác định tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết; Về nợ chung: Anh, chị xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Văn K có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các khoản 1 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh K trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh K thống nhất trình bày do quen biết anh, chị chung sống với nhau từ năm 2005 có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh, chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị T nguyên nhân là do anh K sinh tật ghen tuông vô cớ, do công việc làm ăn nên hàng ngày chị phải bươn chải đủ thứ nghề nhưng anh K không hề quan tâm chia sẻ mà mỗi khi có rượu anh đều chửi mắng, xúc phạm chị bằng những lời lẽ thô tục, nói chị lấy người này người nọ...Chị trả lời thì bị anh đe dọa, có lần anh dùng dao kề vào cổ đe doa chị. Tuy vậy chị vẫn cố gắng nhẫn nhịn và chịu đựng nhưng thời gian kéo dài mâu thuẫn vợ chồng ngày càng phát sinh nhiều thêm không tháo gỡ được, càng ngày anh càng ăn nhậu nhiều hơn và có nhiều hành vi thiếu kiểm soát nên chị lo sợ ảnh hưởng đến tín mạng sau này. Chị và anh K đã ly thân khoảng 01 năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh K.

Còn anh K thì cho rằng anh chị chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị T đi làm, anh ở nhà làm ruộng nuôi con, chị T đòi ly

hôn anh buồn có uống rượu mới xảy ra cự cãi. Anh, chị ly thân khoảng 3, 4 tháng nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh, anh cũng đồng ý.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên và theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đông T xác nhận chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn K chung sống với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù chị T và anh K trình bày không thống nhất về thời gian ly thân nhưng cả hai đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống từ việc chị T đi làm anh K ghen tuông chị T đòi ly hôn, nên phát sinh cự cãi. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh K, thì anh K cũng đồng ý. Do anh, chị có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng không đi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký theo quy định. Nay có tranh chấp xin ly hôn nên trường hợp này pháp luật quy định chị T và anh K không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh K xác định có 02 chung Nguyễn Thị Y, sinh ngày 15/7/2006 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 31/12/2011. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận thống nhất giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy 02 con chung đều có ý kiến muốn ở với chị T và sự thỏa thuận của chị T và anh K không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh, chị. Về tiền cấp dưỡng nuôi con không giải quyết do chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh K xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh K xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 227, 228, 147, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn K (K) là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao 02 chung Nguyễn Thị Y, sinh ngày 15/7/2006 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 31/12/2011 cho chị T nuôi dưỡng. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

3. Về tài sản chung: Chị T và anh K xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T và anh K xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005327 ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A nên cấn trừ xem như chị T đã thi hành xong phần án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn K (K) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án

được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU